DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự án :Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long - giai đoạn 2

Địa điểm: Thôn Hải Long- Xã Đông Tiền Hải - tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Thông báo số 100/TB-TTPTQĐ2 ngày 24/04/2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02)

STT	Họ tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLĐC (m2)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m^2)	DT BT, HT cho hộ gia đình, cá nhân (theo GCN và theo giao 652+948) (m2)	Bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ						Cơ chế thưởng (30.000/1m2) đối với diện tích đất thu hồi trong quy hoạch. (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Ghi chú
					Theo hiện trạng TLĐC	Theo hồ sơ, giấy tờ (theo PA giao đất NN theo QĐ 652+948), GCN QSD đất				Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (NKx30kgxSố tháng x17.000đ/kg)							
												Nhân khẩu hưởng hỗ trợ	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=J*75.000	L=Jx75.000 x3	M	N	O	P=MxOx30x 17.000	Q	R	S=K+L+P+Q+R	T
1	Lại Xuân Mạnh,Lê Thị Hồng (ông Mạnh đã chết) hiện bà Lê Thị Hồng đang sử dụng	Hải Long	77	1	LUC	LUC	4182,2	237,3	4419,0	331.425.000	994.275.000	3	97,3	12	18.360.000	125.451.000		1.469.511.000	Chưa lập phương án tài sản
2	Lại Xuân Toại	Hải Long	85	1	LUC	LUC	4,5	2066,7	1810,8	135.810.000	407.430.000	0	100,0	12	-	135.000		543.375.000	
3	Đoàn Văn Đông	Hải Long	78	1	LUC	LUC	3505,0		3505,0	262.875.000	788.625.000	5	90,6	12	30.600.000	105.150.000	35.234.000	1.222.484.000	
4	Phan Văn Hồng, Bùi Thị Sánh (ông Hồng đã chết) bà Sánh đang sử dụng	Hải Long	81	1	LUC	LUC	353,1		622,0	46.650.000	139.950.000	5	14,8	3	7.650.000	18.660.000	3.531.000	216.441.000	
			82	1	LUC	LUC	268,9			-	-				-	-	2.689.000	2.689.000	
5	Ngô Văn Luyện, Vũ Thị Hoa (Ông Luyện đã chết bà Vũ Thị Hoa đang sử dụng	Hải Long	83	1	LUC	LUC	2799,2	705,9	3810,0	285.750.000	857.250.000	5	93,5	12	30.600.000	93.123.000	35.051.000	1.301.774.000	
			205	1	LUC	LUC	300,4			-	-				-	-	3.004.000	3.004.000	
6	Đỗ Mạnh Hùng, Lương Thị Hường (ông Hùng đã chết) hiện bà Lương Thị Hường đang sử dụng	Hải Long	191	1	LUC	LUC	412,3		412,3	30.922.500	92.767.500	4	12,6	3	6.120.000	12.369.000	4.123.000	146.302.000	
7	Vũ Tiến Thuần, Trần Thị Hương	Hải Long	192	1	LUC	LUC	1206,6	26,4	1233,0	92.475.000	277.425.000	6	34,3	6	18.360.000	36.198.000	12.330.000	436.788.000	
			81	1	LUC	LUC											27.233.000	27.233.000	Thầu UBND xã
8	Nguyễn Văn Vĩ, Nguyễn Thị Nụ	Hải Long	193	1	LUC	LUC	1300,4	103,6	1404,0	105.300.000	315.900.000	5	37,8	6	15.300.000	39.012.000	14.040.000	489.552.000	
9	Lương Thị Nguyên	Hải Long	194	1	LUC	LUC	1835,4	380,6	2216,0	166.200.000	498.600.000	4	89,3	12	24.480.000	55.062.000	22.160.000	766.502.000	
10	Phạm Ngọc Hòa,Lương Thị Loan	Hải Long	195	1	LUC	LUC	1996,7	783,0	2779,0	208.425.000	625.275.000	5	89,2	6	15.300.000	59.880.000	27.797.000	936.677.000	
11	Đặng Văn Liên,Trần Thị Xuyến	Hải Long	196	1	LUC	LUC	1358,5	997,5	2356,0	176.700.000	530.100.000	5	94,6	6	15.300.000	40.755.000	23.560.000	786.415.000	
12	Phan Văn Huyến,Đặng Thị Mịn	Hải Long	197	1	LUC	LUC	2410,7		2419,0	181.425.000	544.275.000	7	51,6	6	21.420.000	72.570.000	24.107.000	843.797.000	
13	Trần Văn Nghị,Nguyễn Thị Dần	Hải Long	198	1	LUC	LUC	2884,0		2884,0	216.300.000	648.900.000	9	90,4	12	55.080.000	86.520.000	28.880.000	1.035.680.000	

STT	Họ tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLĐC (m2)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m^2)	DT BT, HT cho hộ gia đình, cá nhân (theo GCN và theo giao 652+948) (m2)	Bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ						Cơ chế thưởng (30.000/1m2) đối với diện tích đất thu hồi trong quy hoạch. (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Ghi chú
					Theo hiện trạng TLĐC	Theo hồ sơ, giấy tờ (theo PA giao đất NN theo QĐ 652+948), GCN QSD đất				Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (NKx30kgxSố tháng x17.000đ/kg)							
												Nhân khẩu hưởng hỗ trợ	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=J*75.000	L=Jx75.000 x3	M	N	O	P=MxOx30x 17.000	Q	R	S=K+L+P+Q+R	T
14	Nguyễn Văn Duyện,Roãn Thị Bưởi (ông Duyện đã chết) hiện bà Roãn Thị Bưởi đang sử dụng	Hải Long	199	1	LUC	LUC	2334,0		2334,0	175.050.000	525.150.000	4	88,1	12	24.480.000	70.020.000	23.553.000	818.253.000	
15	Đặng Văn Nhự,Đặng Thị Mừng	Hải Long	200	1	LUC	LUC	3405,0		3405,0	255.375.000	766.125.000	8	88,9	12	48.960.000	102.150.000	34.096.000	1.206.706.000	
16	Lại Văn Lương (Tung), Phạm Thị Thúy	Hải Long	81	1	LUC	LUC	854		854,0	64.050.000	192.150.000	8	29,4	5	20.400.000	25.620.000	8.540.000	310.760.000	
Tổng							**31.410,9**	**5301,0**	**36463,1**	**2.734.732.500**	**8.204.197.500**	**83**		**137**	**352.410.000**	**942.675.000**	**329.928.000**	**12.563.943.000**	